

有關建築工程、案件投資營造之消防法律規定

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT PCCC

TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

2024年6月於南定省 Nam Định, 6/2024

大綱 NỘI DUNG

I. 有關建築工程投資營造之消防法律規定簡介

TỔNG QUAN CHUNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PCCC TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

II. 消防標準、規範適用

ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN VỀ PCCC

I. 簡介 TỔNG QUAN

消防審核、驗收、檢驗之法律依據
CƠ SỞ PHÁP LÝ THẨM DUYỆT,
NGHIỆM THU, KIỂM ĐỊNH VỀ PCCC

消防法(第8、第15
條)

LUẬT PCCC
(Điều 8, 15)

第136/2020/NĐ-CP
號議定(第11、第13、
第14、第15條)

NGHỊ ĐỊNH
136/2020/NĐ-CP
(Điều 11, 13,14,15)

第50/2024/NĐ-CP
號議定(第1條)

NGHỊ ĐỊNH
50/2024/NĐ-CP
(Điều 1)

越南消防標準、規
範(逾150項標準、
規範)

TIÊU CHUẨN,
QUY CHUẨN
PCCC VIỆT NAM
(> 150 TC, QC)

外國消防標準、規範
得以在越南適用

TIÊU CHUẨN, QUY
CHUẨN PCCC
NƯỚC NGOÀI
ĐƯỢC ÁP DỤNG
TẠI VIỆT NAM

I. 簡介 TỔNG QUAN

消防設計審核 **Thẩm duyệt thiết kế về PCCC:**

- 消防設計審核為建築工程、案件先要執行之作業之一，對仍在施工設計圖上有關保障消防安全之要求具有決定性的重要意義。
Là một trong những khâu đầu tiên của dự án, công trình xây dựng, có ý nghĩa quan trọng và quyết định đến việc bảo đảm các yêu cầu an toàn về PCCC ngay khi còn trên bản vẽ thiết kế.
- 將建築工程、案件設計、解決方案與越南法律規定、越南標準、規範或是得以在越南適用之國際、國外消防標準相對照。
Đối chiếu các giải pháp, thiết kế dự án, công trình với các quy chuẩn, tiêu chuẩn, các quy định của pháp luật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về PCCC được phép áp dụng tại Việt Nam.
- 消防設計審核結果係核定批准案件、審核營造設計以及核發營造許可證之依據。
Kết quả thẩm duyệt thiết kế về PCCC là căn cứ để phê duyệt dự án, thẩm định thiết kế xây dựng và cấp giấy phép xây dựng.

I. 簡介 TỔNG QUAN

消防驗收結果查核 Kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC:

- 根據已核定之設計資料，對業主與施工承包商進行驗收責任查核

Kiểm tra trách nhiệm nghiệm thu của chủ đầu tư và nhà thầu thi công theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

- 查核內容 Nội dung kiểm tra:

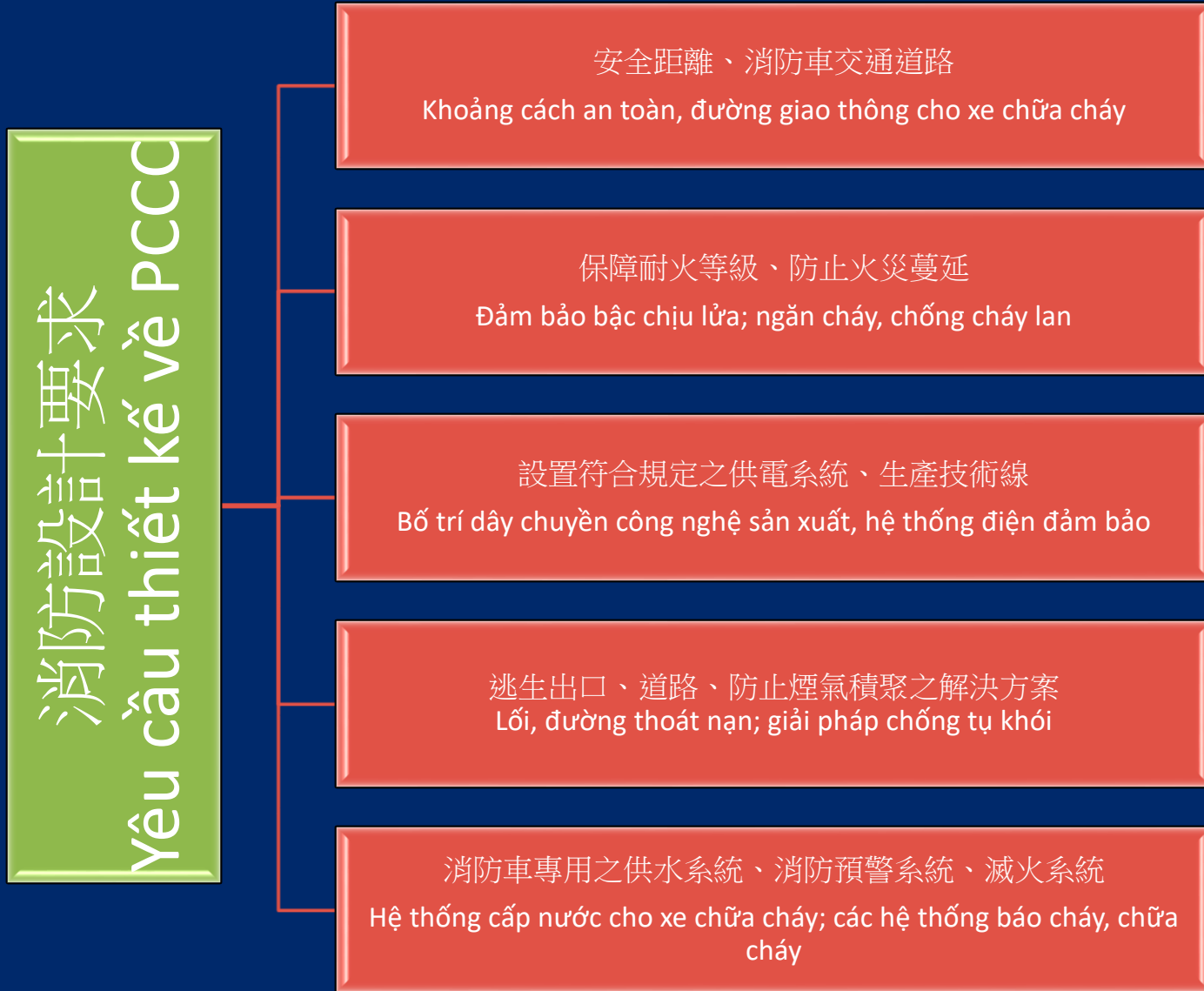
+ 驗收資料(驗收紀錄、檢驗證書、竣工圖等)

Hồ sơ nghiệm thu (biên bản nghiệm thu, chứng chỉ kiểm định, bản vẽ hoàn công...)

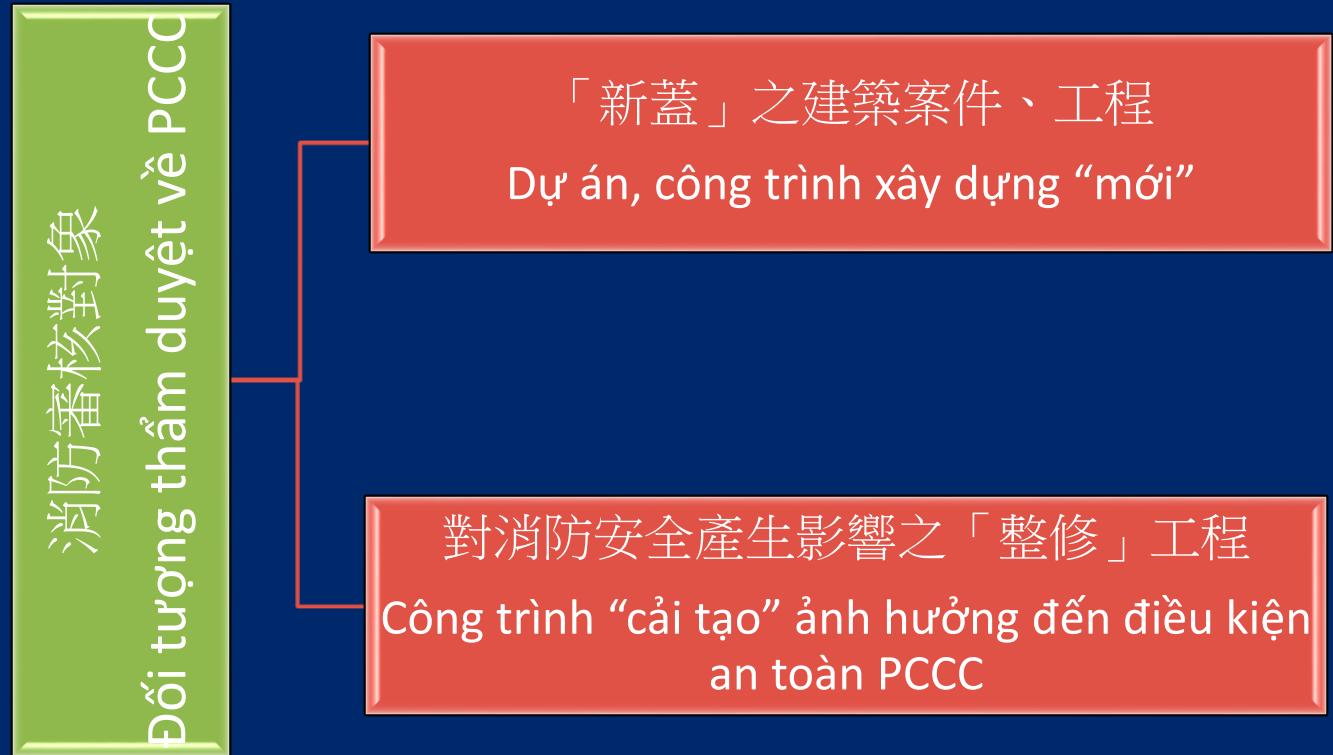
+ 實地查核消防系統、各項解決方案安裝與測試(消防車交通、安全距離、逃生出口、防止火災蔓延、防止煙氣積聚、火災預警系統、滅火系統、消防專用之供電系統)

Kiểm tra thực tế lắp đặt và thử nghiệm hoạt động của các giải pháp, hệ thống PCCC (giao thông cho xe chữa cháy, khoảng cách an toàn, lối thoát nạn, ngăn cháy lan, chống tụ khói, hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống điện cho PCCC)

I.1 總則 Quy định chung



I. 總則 Quy định chung



根據第136/2020/NĐ-CP號議定附錄五規定確定屬消防設計審核對象之工程應注意事項
Lưu ý khi xét đối tượng công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

屬消防設計審核對象之
工程

đối tượng công trình
thuộc diện thẩm
duyet thiết kế về
PCCC

樓層數 *Số tầng nhà*

建築物之消防高度
Chiều cao PCCC của nhà

體積 *Khối tích*

面積 *Diện tích*

I.1 一般規則

屬於消防設計須審核之案子、工程(第50/2024/ND-CP號議定附錄V)：

1. 7層以上或體積自5,000立方米以上之公家機關辦公大樓。
2. 7層以上或體積自5,000立方米以上之企業辦公室、政治、社會組織辦公室、公寓、集體公寓、宿舍、多功能住宅、飯店、賓館、旅館。
3. 5層以上或體積自5,000立方米以上之郵局、通訊、資料儲存管理中心、廣播電視台之房屋。
4. 3層以上或體積自3,000立方米以上之托兒所、幼稚園；體積自5,000立方米以上之小學、初中、高中、完全中學等學校；5層以上或體積自5,000立方米以上之學院、大學、三專、專業二專、職業學校及經常教育基地之房屋、工程。
5. 3層以上或體積自3,000立方米以上之醫院；5層以上或體積自3,000立方米以上之綜合診所、專科診所、安養機構、物理治療中心、養護機構、防疫基地及醫療中心等。

I.1 Quy định chung

Đối tượng dự án, công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC (Phụ lục V Nghị định 50/2024/NĐ-CP):

1. Nhà làm việc của cơ quan nhà nước cao từ 7 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 5.000 m³ trở lên.
2. Nhà làm việc của doanh nghiệp, tổ chức chính trị, xã hội, nhà chung cư, nhà tập thể, nhà ở ký túc xá, nhà hỗn hợp, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ cao từ 7 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 5.000 m³ trở lên.
3. Nhà của cơ sở bưu điện, cơ sở viễn thông, trung tâm lưu trữ, quản lý dữ liệu, cơ sở phát thanh, truyền hình cao từ 5 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 5.000 m³ trở lên.
4. Nhà trẻ, trường mẫu giáo, mầm non cao từ 03 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 3.000 m³ trở lên; trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có khối tích từ 5.000 m³ trở lên; nhà, công trình của học viện, trường đại học, cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường dạy nghề, cơ sở giáo dục thường xuyên cao từ 5 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 5.000 m³ trở lên.
5. Bệnh viện cao từ 03 tầng trở lên hoặc có khối tích 3.000 m³ trở lên; phòng khám đa khoa, khám chuyên khoa, nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão, cơ sở phòng chống dịch bệnh, trung tâm y tế cao từ 5 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 3.000 m³ trở lên.

I.1 一般規則(續)

屬於消防設計須審核之案子、工程(第50/2024/ND-CP號議定附錄V)：

6. 300座位以上之歌劇院、電影院、雜技院；5層樓以上或體積5,000立方米以上之會議中心、文化中心；3層以上或體積1,500立方米以上之KTV、舞場。
7. 體積3,000立方米以上之市場、百貨公司、超市、餐廳。
8. 體積5,000立方米以上之博物館、圖書館、展覽中心、展示廳、儲存處、書店、交易會。
9. 5,000座位以上之運動場；5,000座位以上或體積5,000立方米以上之體育館、室內體育宮、體育中心。
10. 體積5,000立方米以上之航廈、地下捷運工程、海港、內陸集裝箱場站(ICD)、內地水港、車站候車區、火車站、客運纜車候車區、休息站。
11. 體積3,000立方米以上之室內停車場。
12. 長度1,000公尺以上之陸路地下道、鐵路地下道。

I.1 Quy định chung

Đối tượng dự án, công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC (Phụ lục V Nghị định 50/2024/NĐ-CP) (tiếp):

6. Nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc có từ 300 chỗ ngồi trở lên; trung tâm hội nghị, tổ chức sự kiện, nhà văn hóa cao từ 5 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 5.000 m³ trở lên; cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường cao từ 3 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 1.500 m³ trở lên.

7. Chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, nhà hàng có khối tích từ 3.000 m³ trở lên.

8. Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày, nhà lưu trữ, nhà sách, nhà hội chợ có khối tích từ 5.000 m³ trở lên.

9. Sân vận động có sức chứa từ 5.000 chỗ ngồi trở lên; nhà thi đấu thể thao, cung thể thao trong nhà, trung tâm thể dục, thể thao có sức chứa từ 5.000 chỗ ngồi trở lên hoặc có khối tích từ 5.000 m³ trở lên.

10. Cảng hàng không, công trình tàu điện ngầm; bến cảng biển; cảng cạn; cảng thủy nội địa; nhà chờ bến xe ô tô, nhà ga đường sắt, nhà chờ cáp treo vận chuyển người, trạm dừng nghỉ có khối tích từ 5.000 m³ trở lên.

11. Gara để xe ô tô trong nhà có khối tích từ 3.000 m³ trở lên.

12. Hàm đường bộ, hàm đường sắt có chiều dài từ 1.000 m trở lên.

I.1 一般規則(續)

屬於消防設計須審核之案子、工程(第50/2024/ND-CP號議定附錄V)：

13. 核電基地；工業爆裂物及爆裂物先驅化學物質之生產、經營及保管廠商；爆裂物及爆裂物先驅化學物放置倉庫；工業爆裂物、爆裂物先驅化學物進出口港口。

14. 石油、石油產品及燃料之開採、加工、運輸、經營及保管之陸地基地；石油、石油產品及燃料之進出口港；加油站；內部加油站；燃料庫存量1,000公斤以上之燃料經營基地。

15. A級、B級消防、爆炸級且體積自5,000立方米以上之工業生產工程；C級消防、爆炸級且體積自10,000立方米以上之工業生產工程；D級、E級消防、爆炸級且體積自15,000立方米以上之工業生產工程。

16. 110kV以上之電廠、變壓站。

17. 總體積1,000立方米以上保管、使用爆炸物之坑；體積5,000立方米以上置放可燃燒物料、貨物之倉庫。

18. 屬於縣級以上批准，且與都市、經濟區、工業區、工業聚落、加工出口區、高科技園區等消防相關之基礎設施工程。

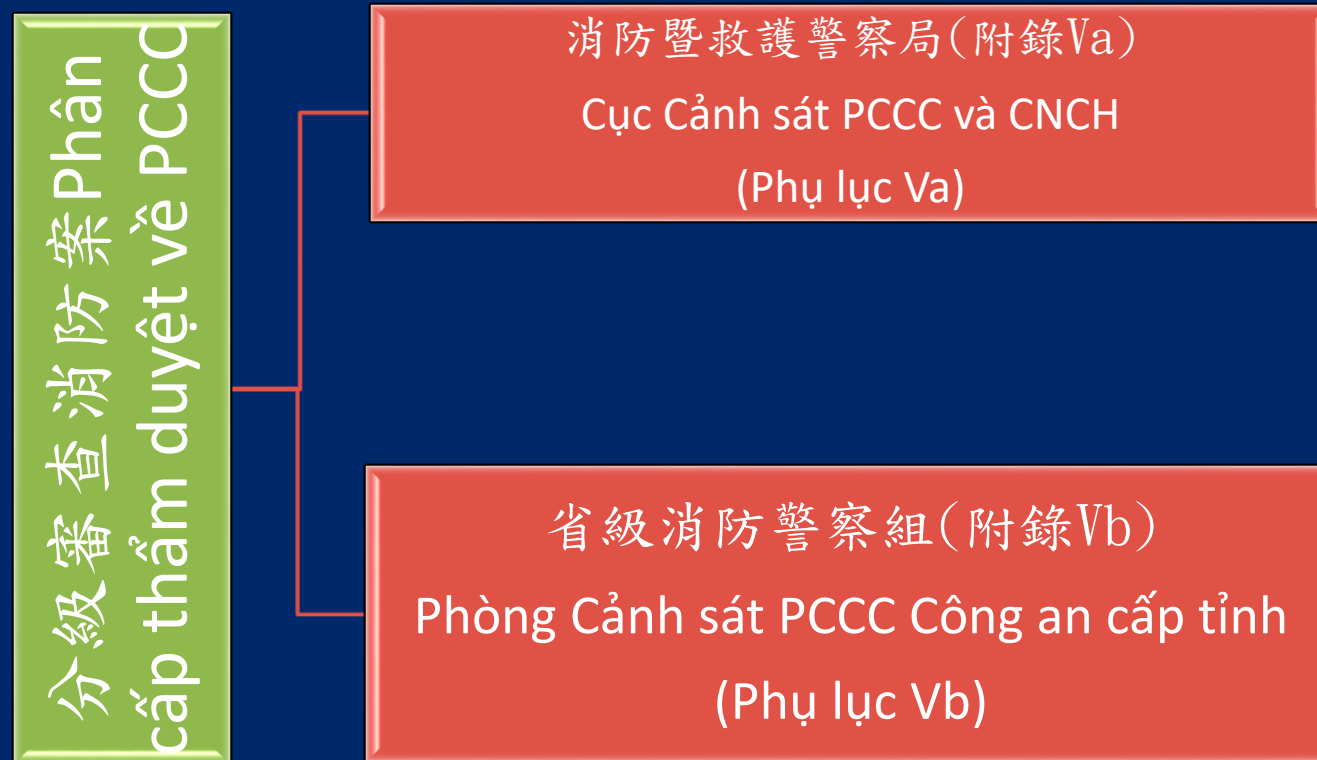
19. 對消防安全有特別要求之交通工具，客運或運輸油品、易燒液體、可燒氣體、爆炸物、可燃燒、爆炸之化學等之鐵路、水路長度達20公尺以上交通工具。

I.1 Quy định chung

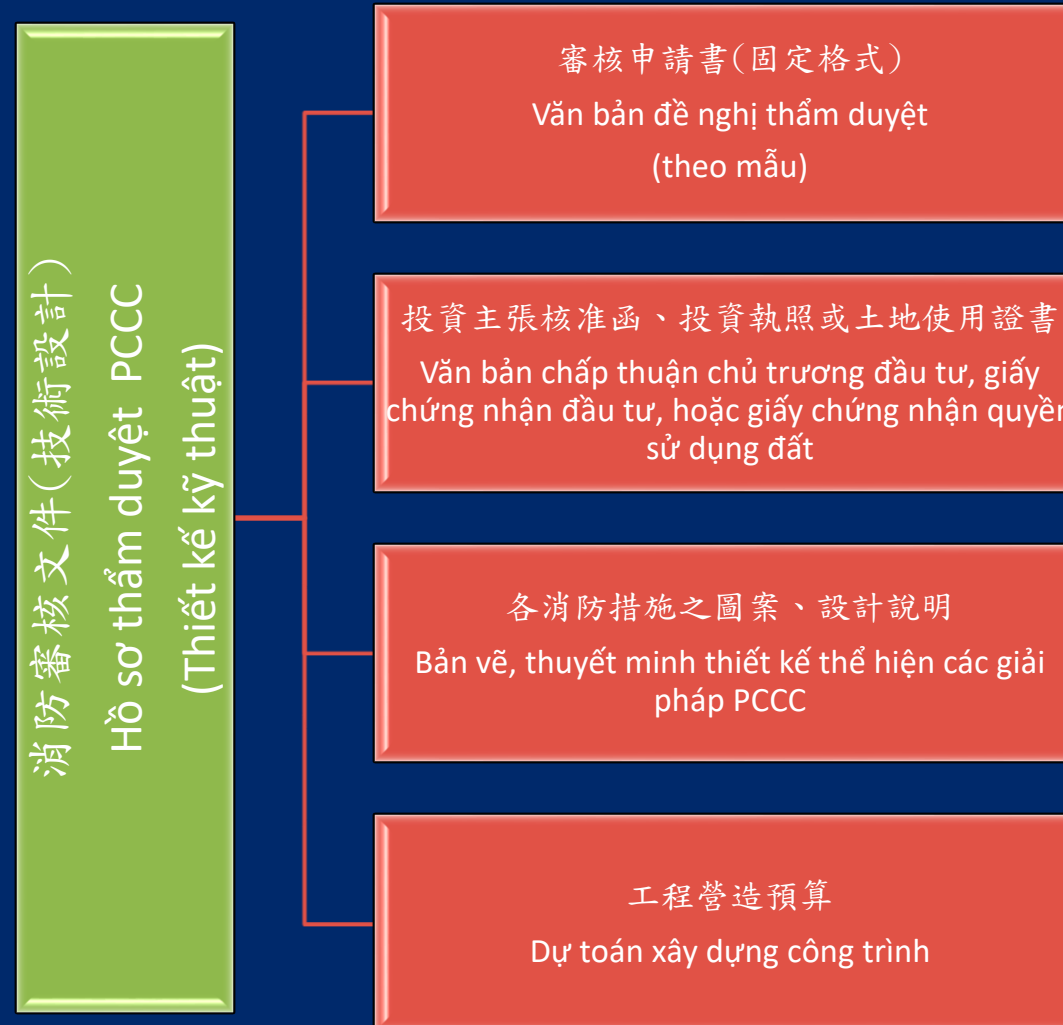
Đối tượng dự án, công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC (Phụ lục V Nghị định 50/2024/NĐ-CP) (tiếp):

13. Cơ sở hạt nhân; cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; cảng xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
14. Cơ sở khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, bảo quản dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt trên đất liền, kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, kho khí đốt; cảng xuất, nhập dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt; cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trạm cấp xăng dầu nội bộ có từ 01 cột bơm trở lên; cơ sở kinh doanh khí đốt có tổng lượng khí tồn chứa từ 1.000 kg trở lên.
15. Công trình sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B có tổng khối tích từ 5.000 m³ trở lên, hạng nguy hiểm cháy, nổ C có tổng khối tích từ 10.000 m³ trở lên, hạng nguy hiểm cháy, nổ D, E có tổng khối tích từ 15.000 m³ trở lên.
16. Nhà máy điện; trạm biến áp có điện áp từ 110 kV trở lên.
17. Hàm có hoạt động sản xuất, bảo quản, sử dụng chất cháy, nổ và có tổng khối tích từ 1.000 m³ trở lên; nhà kho hàng hóa, vật tư cháy được có tổng khối tích từ 5.000 m³ trở lên.
18. Công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy của đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuộc thẩm quyền phê duyệt của cấp huyện trở lên.
19. Phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy: phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện đường thủy có chiều dài từ 20 m trở lên vận chuyển hành khách, vận chuyển xăng, dầu, chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ.

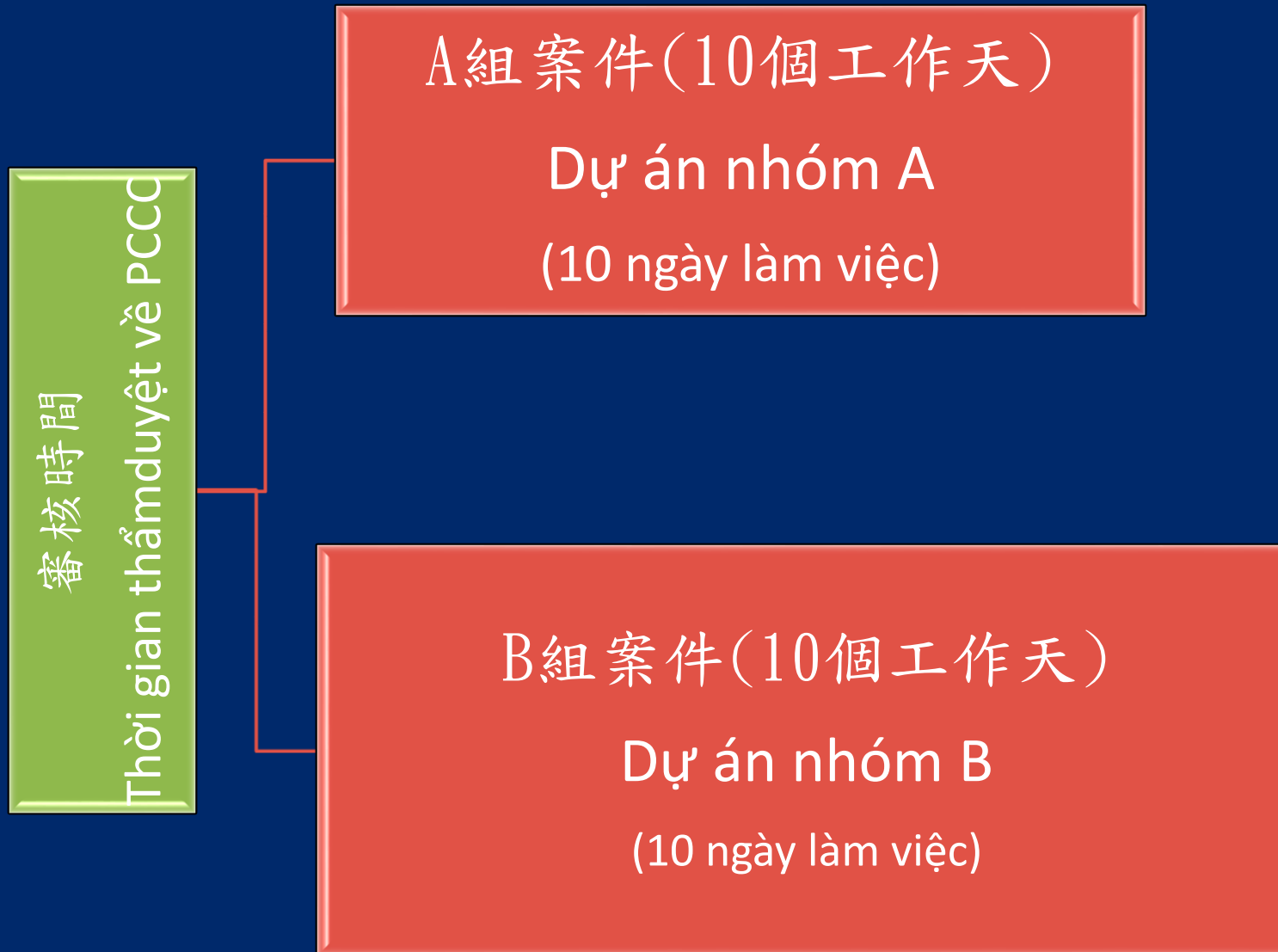
I.2 審核規定 Quy định về thẩm duyệt



I.2 審核規定 Quy định về thẩm duyệt



I.2 審核規定 Quy định về thẩm duyệt



I.3 消防驗收 Nghiệm thu PCCC

消防驗收文件(第136
號議定第15條第2項)
HỒ SƠ NGHIỆM THU PCCC
(Khoản 2 Đ 15 NĐ 136)

CNTD之影本及已獲審核之設計文件
Bản sao Giấy CNTD và Hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt

用具檢定證書影本
Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện

實驗記錄、局部驗收、完工圖案及完成驗收
Biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần, bản vẽ hoàn công,
nghiệm thu hoàn thành

消防系統操作說明書
Tài liệu hướng dẫn vận hành hệ thống PCCC

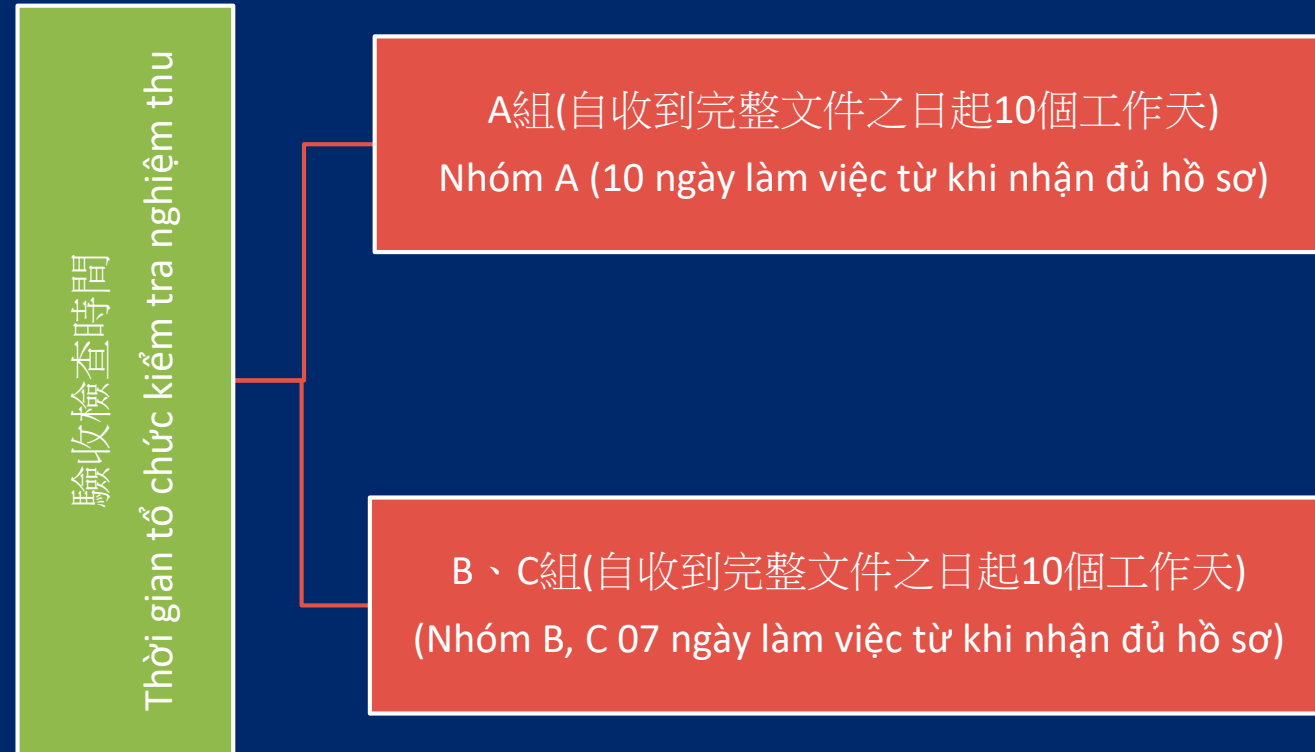
消防服務營業單位之資格證書(監工、施工)
Giấy chứng nhận đủ điều kiện của đơn vị kinh doanh dịch vụ PCCC
(giám sát, thi công)

I.3 消防驗收 Nghiem thu PCCC



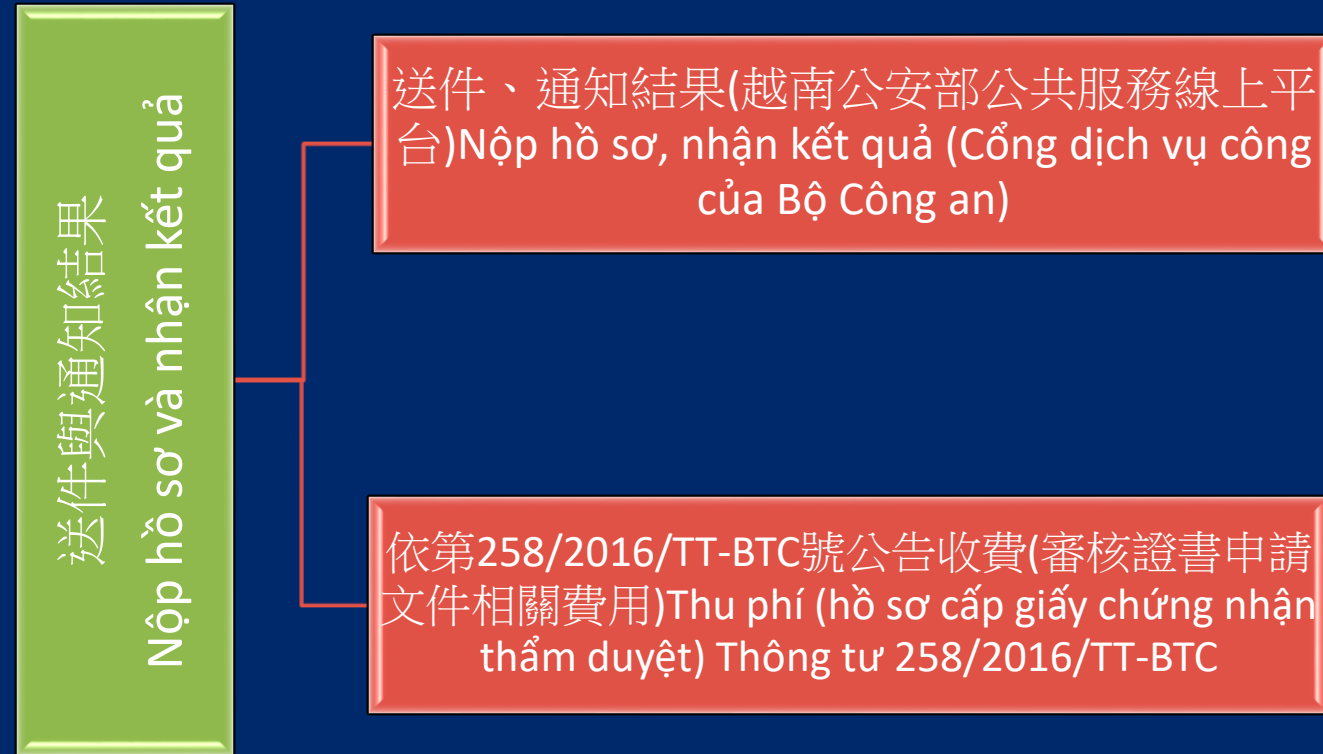
I.3 消防驗收

Nghiệm thu PCCC



I.3 收件處理與通知結果

Nhận và trả kết quả



I.3 消防規範、標準

Tiêu chuẩn, quy chuẩn PCCC

越南消防規範、標準
(>150 TC, QC) Tiêu
chuẩn, quy chuẩn PCCC
Việt Nam (>150 TC,
QC)

可在越南採用之外國
消防標準

Tiêu chuẩn PCCC của
nước ngoài được phép
áp dụng tại Việt Nam

建築物工程
消防設計
Thiết kế về
PCCC công
trình

採用外國標準文件

Việc áp dụng các tài liệu chuẩn của nước ngoài

規定
Quy định

✓ **第1.1.7條**：在確保遵守本規範第1.5條、越南消防相關規定以及在越南將外國標準採用於營造活動等規定之基礎上，准許使用外國標準資料 **Điều 1.1.7: Cho phép sử dụng các tài liệu chuẩn của nước ngoài trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 1.5 của quy chuẩn này và các quy định pháp luật của Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy cùng các quy định về áp dụng tiêu chuẩn của nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam.**

法律根據
Căn cứ pháp lý

✓ **2013年越南消防法第8條第5款** Khoản 5, Điều 8 Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013

✓ **越南政府於2021年3月3日發布第15/2021/ND-CP號議定第8條** Điều 8 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ

2023年6月15日核發第 4158/QĐ-BCA-PCCC&CNCH 號決定

BỘ CÔNG AN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4158/QĐ-BCA-PCCC&CNCH Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy ở Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013; Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an; Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy chế làm việc của Bộ Công an; Căn cứ Thông tư số 42/2019/TT-BCA ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Căn cứ Quyết định số 3516/QĐ-BCA-C07 ngày 29/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ủy quyền chấp thuận việc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy ở Việt Nam; Theo đề nghị của Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Báo cáo đề xuất số 01/BC-P4 ngày 08 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy (15 tiêu chuẩn có danh sách kèm theo) để thiết kế, kiểm định các hệ thống, thiết bị về phòng cháy và chữa cháy ở Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy ở Việt Nam phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Bộ Công an;
- Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, tư pháp Bộ Công an;
- Lưu: VT, PCCC&CNCH (P4).

TU. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH


Thiếu tướng Nguyễn Tuấn Anh

採用國際標準之規定 Quy định về áp dụng tiêu chuẩn quốc tế

1	Tiêu chuẩn SP 241.1311500.2015 - Hệ thống phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước cho nhà kho lưu trữ hàng hóa trên giá cao - Tiêu chuẩn và quy định thiết kế (Системы противопожарной защиты - "Установки водяного пожаротушения высотных стеллажных складов автоматически - Нормы и правила проектирования)	Thiết kế hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler cho kho lưu trữ hàng hóa trên giá cao trên 5,5 m đến 25 m	Liên bang Nga
2	Tiêu chuẩn NFPA 13:2022 Lắp đặt hệ thống Sprinkler (Standard for the Installation of Sprinkler Systems)	Thiết kế hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler cho kho lưu trữ hàng hóa trên giá cao trên 5,5 m	National Fire Protection Association
3	Tiêu chuẩn NFPA 14:2019 Lắp đặt đường ống và họng nước chữa cháy (Standard for the Installation of Standpipe and Hose Systems)	Thiết kế hệ thống chữa cháy bằng nước cho các nhà có công năng đặc biệt quy định tại Điều 1.1.5 và Điều 1.1.6 QCVN 06:2022/BXD	National Fire Protection Association
4	Tiêu chuẩn NFPA 15:2022 Hệ thống chữa cháy cố định bằng nước phun sương (Standard for Water Spray Fixed Systems for Fire Protection)	Thiết kế hệ thống chữa cháy bằng nước phun sương cố định cho các thiết bị công nghệ	National Fire Protection Association
5	Tiêu chuẩn NFPA 850:2020 Thực hành khuyến nghị về phòng cháy chữa cháy cho nhà máy phát điện và trạm biến đổi điện một chiều điện áp cao (Recommended Practice for Fire Protection for Electric Generating Plants and High Voltage Direct Current Converter Stations)	Trang bị hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho nhà máy điện	National Fire Protection Association
6	Tiêu chuẩn ISO/TS 7240-29:2017 Hệ thống phát hiện và báo cháy - Phần 29: Đầu báo cháy video (Fire detection and alarm systems - Part 29: Video fire detectors)	Thiết kế và thử nghiệm đầu báo cháy video	International Organization for Standardization
7	Tiêu chuẩn ISO 14520-8:2019 Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 8: Khí chữa cháy HFC-125 (Gaseous fire-	Thiết kế và thử nghiệm cho các phương tiện, thiết bị chữa cháy sử dụng khí	International Organization for Standardization

8	Tiêu chuẩn ISO 14520-14:2015 Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 14: Khí chữa cháy IG-55 (Gaseous fire-extinguishing systems - Physical properties and system design - Part 14: IG-55 extinguishant)	Thiết kế và thử nghiệm cho các phương tiện, thiết bị chữa cháy sử dụng khí chữa cháy IG-55	International Organization for Standardization
9	Tiêu chuẩn ISO 14520-15:2015 Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 15: Khí chữa cháy IG-541 (Gaseous fire-extinguishing systems - Physical properties and system design - Part 8: IG-541 extinguishant)	Thiết kế và thử nghiệm cho các phương tiện, thiết bị chữa cháy sử dụng khí chữa cháy IG-541	International Organization for Standardization
10	Tiêu chuẩn ISO 15779:2011 Thử nghiệm đối với bình chữa chất rắn tạo sol-khí (Condensed aerosol fire extinguishing systems - Requirements and test methods for components and system design, installation and maintenance - General requirements)	Thử nghiệm bình chữa chất rắn tạo sol-khí	International Organization for Standardization
11	Tiêu chuẩn UL 2775:2019 Tiêu chuẩn về thiết bị của hệ thống chữa cháy cố định bằng Aerosol (UL Standard for Safety Fixed Condensed Aerosol Extinguishing System Units)	Thử nghiệm bình chữa chất rắn tạo sol-khí	Underwriters Laboratories
12	Tiêu chuẩn EN 12021:2014 Thiết bị hô hấp - Khí nén cho thiết bị thở (Respiratory equipment - Compressed gases for breathing apparatus)	Thử nghiệm chất lượng khí đầu ra máy nạp khí cho thiết bị thở	Cộng hòa liên bang Đức
13	Tiêu chuẩn chứng nhận của KFI - KFIS 019:2019 Súng phun nước chữa cháy	Thử nghiệm lăng giá chữa cháy	Korea Fire Institute
14	Tiêu chuẩn GB-19156:2019 Lăng giá chữa cháy (Fire Monito)	Thử nghiệm lăng giá chữa cháy	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
15	Tiêu chuẩn GB-25204:2010 Hệ thống vòi phun chữa cháy định vị tự động (Auto Tracking and Targeting Jet Suppression System)	Thử nghiệm vòi phun chữa cháy định vị tự động	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

採用國際標準之規定

Quy định về áp dụng tiêu chuẩn quốc tế

消防法 Luật PCCC

第40/2013/QH13號越南消防法第8條規定發布與採用消防技術規範、標準 Điều 8 Luật PCCC số 40/2013/QH13 Ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy:

第5款：在下列之情況下，外國消防標準、國際規範可在越南採用，包括：Khoản 5. Tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy được áp dụng tại Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

- ✓ a) 越南為成員之國際條約規定之外國標準、國際標準 Tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế có quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- ✓ b) 外國消防標準、國際標準高於越南標準或符合越南實際要求，並獲越南公安部以文件核准採用 Tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế có quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy cao hơn tiêu chuẩn Việt Nam hoặc phù hợp với yêu cầu thực tế của Việt Nam và được Bộ Công an chấp thuận bằng văn bản.

第15/2021/NĐ-CP號議定 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

越南政府第15/2021/ND-CP號議定第8條，有關營造投資案管理施行細則 Điều 8 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

規定採用營造業相關的國際標準、地區標準、外國標準(統稱為外國標準)、基準、新建材及技術(Qui định về áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài (gọi chung là tiêu chuẩn nước ngoài); tiêu chuẩn cơ sở; vật liệu và công nghệ mới trong hoạt động xây dựng

1. 選擇採用外國標準、基準應遵守越南營造法及其他相關法規。Việc lựa chọn, áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở phải tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. 對採用外國標準之案件 Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài:

- ✓ a) 建築物工程設計說明資料或技術引導資料(若有)應有與國家技術規範之相容性、同步性以及遵守規定等評估文件。Trong thuyết minh thiết kế xây dựng hoặc chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có), phải có đánh giá về tính tương thích, đồng bộ và sự tuân thủ với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- ✓ b) 優先採用獲廣泛認可並採用之外國標準 Ưu tiên sử dụng các tiêu chuẩn nước ngoài đã được thừa nhận và áp dụng rộng rãi.